

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 10 năm 2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
Chia tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh, ông Trần Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Hà Đình H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị H, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

2. Bà Hà Thị Bích P, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

3. Bà Hà Thị N, sinh năm 2003 (Có mặt)

4. Cháu Hà Đình H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2007 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của cháu Hà Đình H: Ông Hà Đình H, bà Võ Thị T là bố mẹ của cháu H (Bà T có mặt, ông H vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

5. Đại lý Tuyệt H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1965 là chủ đại lý (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk
6. Ông Võ Tấn T, bà Trần Thị T (Đều vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 6B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị Võ Thị T trình bày:

Chị với anh Hà Đình H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có 04 con chung. Về tài sản chung gồm có diện tích đất + tài sản trên đất của thửa đất có diện tích 400m², tại thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Về nợ chung thì anh chị nợ Đại lý Tuyệt H 13.000.000đ, nợ ông Võ Tấn T, bà Trần Thị T 156.400.000đ.

Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, chửi bới, đánh đập lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H, giải quyết vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T thay đổi, rút một phần nội dung khởi kiện, chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, còn về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Huy H trình bày:

Ông H, bà T còn nợ đại lý Tuyệt H 13.000.000đ. Tuy ông không khởi kiện nhưng ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 16 Quyển số 01/1998 ngày 03 tháng 9 năm 1998 của UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thể hiện nội dung:

Anh Hà Đình H, sinh năm 1977 và chị Võ Thị T, sinh năm 1977 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 03 tháng 9 năm 1998.

Tại giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà ở ngày 19 tháng 12 năm 2005 của UBND xã C xác nhận:

Ông Hà Đình H, bà Võ Thị T sử dụng diện tích đất 400m²; Tài sản trên đất là nhà cấp 4, mái ngói, nền xi măng, tường gỗ ván, xây năm 2001, diện tích 50m².

Tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 8 năm 2023 Hội liên hiệp phụ nữ xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cung cấp thông tin :

Thi thoảng ông Hà Đình H có đánh đập bà Võ Thị T. Hai bên cãi vã lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Chị T chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Anh H, ông T, bà T, các cháu H, P, H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 65, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị T ly hôn với anh H. Giao con chung (Cháu H) cho

chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc phân chia tài sản chung và nợ chung. Về án phí và chi phí tố tụng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị T và anh H là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có con chung, tài sản chung, nợ chung. Hiện nay, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Chị T khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh H có hộ khẩu thường trú ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Tòa đã triệu tập nhưng anh H, ông T, bà T, cháu H, cháu P và cháu H vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tâm, thì HĐXX xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, đánh đập, chửi bới lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với tình trạng hôn nhân mà Hội phụ nữ xã C cung cấp, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị T ly hôn với anh H.

+ Về con chung:

Chị T và anh H có 04 con chung. Hiện nay, cháu H, cháu P và cháu N đều trên 18 tuổi, còn lại cháu H dưới 18 tuổi. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng. Anh H không hợp tác nên không ghi được ý kiến. Do đó HĐXX giao con chung (Cháu H) cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị T rút nội dung khởi kiện, do đó HĐXX đình chỉ xét xử.

[4]. Về án phí:

Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn – Chị T vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 244; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51; 65; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị T ly hôn với anh Hà Đình H.

+ Về con chung: Giao cháu Hà Đình H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2007 cho chị Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

3. Về án phí:

Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ trong số 2.800.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện E theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 0011490 ngày 04 tháng 7 năm 2023. Trả lại cho chị Võ Thị T 2.500.000đ trong số tiền tạm ứng án phí nói trên.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG